

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2017/HS-PT

Ngày: 21-11-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Duyên

Các Thẩm phán:

Ông Lê Thành Tân

Ông Triệu Quốc Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Bích Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 82/2017/TLPT-HS ngày 02 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo A và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo A, B, C đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 57/2017/HS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố y, tỉnh Vĩnh Long.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: A, sinh năm: 1995; nơi cư trú: Số 167, ấp MT, xã TH, thành phố y, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông V và bà M; anh, chị, em ruột: 02 người (lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất là bị cáo); tiền án: Không, tiền sự: Không.

Bị cáo bị khởi tố áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: B, sinh năm: 1998; nơi cư trú: Số 214, ấp MT, xã TH, thành phố y, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông R (chết) và bà I; anh, em ruột: 04 người (lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 2001); tiền án: Không, tiền sự: Không.

Bị cáo bị khởi tố áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: C, sinh ngày: 22/2/1999.

Nơi đăng ký thường trú: Khóm P, thị trấn Q, huyện U, tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: Ấp MP, xã TH, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông G và bà H, anh, chị, em ruột: 03 người (lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất là bị cáo); tiền án: Không, tiền sự: Không.

Bị cáo bị khởi tố áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông L, sinh năm: 1975. (Có mặt)

Nơi cư trú: Số 221F, ấp Z, xã TH, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Long.

- Người bảo vệ quyền lợi cho người bị hại: Bà CH – Luật sư Văn phòng luật sư T, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh D, sinh năm: 1995. (Có mặt)

Nơi cư trú: Số 33, khóm 1, ấp MT, xã TH, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Long.

2. Anh E, sinh năm: 1995. (Có mặt)

3. Ông F, sinh năm: 1971. (Vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: Số 218C, ấp Z, xã TH, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Long.

4. Ông G, sinh năm: 1967. (Vắng mặt)

5. Bà H, sinh năm: 1966. (Có mặt)

Cùng nơi cư trú: Ấp MP, xã TH, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Long.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

1. Ông T, sinh năm: 1955. (Có mặt)

Nơi cư trú: Số 188A, ấp MT, xã TH, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Long.

2. P, sinh năm: 1978. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Số 212, ấp Z, xã TH, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Long.

3. Chị N, sinh năm: 1994. (Có mặt)

Nơi cư trú: Số 86, ấp MT, xã TH, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Long.

4. Ông X, sinh năm: 1950. (Có mặt)

Nơi cư trú: Số 214C, ấp Z, xã TH, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Long.

5. Bà K, sinh năm: 1978. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Số 218C ấp Z, xã TH, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

E, D, A, B và C có mối quan hệ bạn bè với nhau.

Vào khoảng 20 giờ ngày 18/10/2016, giữa ông L với E có xảy ra va chạm xe nhẹ, dẫn đến hai bên xảy ra mâu thuẫn, cự cãi rồi đánh nhau, sau đó được anh P phát hiện và can ngăn nên ông L và E bỏ đi về nhà.

Trên đường về nhà E điện thoại cho D (lúc này D đang ngồi uống cà phê cùng với A, B và C) nói “E đánh lộn trên này, không xuống được nha D”, lúc này D bật loa điện thoại lớn nhưng A, B và C không nghe rõ lời E nói, chỉ nghe E nói “Đánh lộn” nên D, A, B và C nghĩ là E nói trên nhà E có đánh lộn nên cùng nhau vào nhà E để xem đánh nhau. Sau đó cả nhóm vào nhà của E, khi đến nhà thấy E bị chảy máu đầu và đang tức giận vì bị ông L đánh. Trong lúc này, ông L đang đi ra đường đal nơi vừa cự cãi với E để lấy xe đạp, ông L vừa đi vừa chửi, khiêu khích đánh nhau với E. Khi đó bị cáo A, C, B, D và E sợ bị ông L đánh nên bỏ chạy về hướng chợ S. Ông F là cha ruột của E thấy vậy sợ E tiếp tục đánh nhau nên kéo E vào nhà số 216, ấp Tân C, xã TH, thành phố Y để tránh mặt.

Riêng D chạy được khoảng 8 mét thì bị đứt dép ngã xuống đường đal, lúc này ông L đi tới, sợ bị ông L đánh nên D ôm ông L, cả hai bị mất thăng bằng té ngã xuống khoảng đất trống cạnh đường đal. A, C, B quay lại muốn giải cứu cho D không ai bàn bạc gì mỗi người lượm một khúc cây củi đang phơi ven đường xông vào đánh liên tục vào người ông L để giải cứu cho D, ông L bị đánh đau nên đứng dậy bỏ chạy về nhà; D, A, C và B cũng đi về.

Sau đó, ông L được người thân đưa đến bệnh viện đa khoa thành phố Y để cấp cứu, rồi chuyển qua bệnh viện đa khoa trung ương Cần Thơ điều trị vết thương đến ngày 21/10/2016 thì xuất viện về nhà tiếp tục điều trị và ông L đã làm đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với các bị cáo A, B, C.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích của trung tâm pháp y - Sở y tế tỉnh Vĩnh Long số: 147/TgT ngày 06/12/2016, kết luận thương tích của ông L như sau: Chấn thương vùng vai và ngực trái: Gãy xương bả vai trái; gãy xương sườn trái số 7 – 8, không để lại di chứng. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 14%.

Về bồi thường thiệt hại: Ông L yêu cầu các bị cáo A, B và C cùng với những người có liên quan E và D bồi thường các khoản chi phí điều trị vết thương, ngày công lao động và tổn thất tinh thần với tổng số tiền 58.443.000

đồng, ông F là cha ruột của E thỏa thuận hỗ trợ bồi thường số tiền 6.400.000 đồng. Số tiền còn lại các bị cáo A, C và B chưa bồi thường.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 57/2017/HS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố y đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo A, B và C phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 104; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20, Điều 33 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo A 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo vào trại giam chấp hành án hoặc ngày bị áp giải đi chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 104, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 33 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo B 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo vào trại giam chấp hành án hoặc ngày bị áp giải đi chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 104, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33, Điều 20, Điều 53, Điều 69 và Điều 74 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo C 04 (bốn) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo vào trại giam chấp hành án hoặc ngày bị áp giải đi chấp hành án.

Ngoài ra, cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo quy định của pháp luật

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22 tháng 8 năm 2017 bị cáo C có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện phụ giúp gia đình.

Ngày 22 tháng 8 năm 2017, bị cáo B có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ngày 22 tháng 8 năm 2017, bị cáo A có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện phụ giúp gia đình.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo A, B, C trình bày: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo và xin được giảm nhẹ, hưởng án treo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm: Sau khi phân tích hành vi phạm tội của các bị cáo, phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo A, B, C, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 104; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46,

Điều 20, Điều 33 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo A 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo vào trại giam chấp hành án hoặc ngày bị áp giải đi chấp hành án. Xử phạt bị cáo B 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo vào trại giam chấp hành án hoặc ngày bị áp giải đi chấp hành án. Áp khoản 1 Điều 104, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33, Điều 20, Điều 53, Điều 69 và Điều 74 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo C 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo vào trại giam chấp hành án hoặc ngày bị áp giải đi chấp hành án. Các phần khác không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho người bị hại trình bày: Đề nghị giữ y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời trình bày của các bị cáo, người bị hại tại phiên tòa hôm nay cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, thể hiện: Vì thấy người bị hại L ngồi đề lên và vật lộn với bạn mình là D, các bị cáo A, B, C đã có hành vi dùng khúc cây củi đang phơi ven đường đánh liên tục người của bị hại L nhằm giải cứu cho D. Hậu quả gây thương tích cho bị hại L với tỉ lệ thương tật 14%. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo A, B, C về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 1 Điều 104 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, các bị cáo xem thường pháp luật, xem thường sức khỏe, tính mạng của người khác. Khi phạm tội các bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Vì vậy, các bị cáo cần phải được cách ly ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Tuy các bị cáo không có mâu thuẫn với người bị hại, nhưng người bị hại lại thách thức E và tấn công D, mục đích các bị cáo là muốn đánh giải vây cho bạn, các bị cáo cũng không chuẩn bị hung khí, khi thấy bạn bị tấn công thì lấy khúc củi ven đường đánh giải vây cho bạn, nên cũng cần cân nhắc khi lượng hình cho các bị cáo cho đúng với tính chất mức độ hành vi của các bị cáo gây ra.

Các bị cáo là đồng phạm giản đơn và cùng là người thực hành, nên cấp sơ thẩm xét xử B, A mức án bằng nhau là có cơ sở, lẽ ra C cũng phải có mức án bằng với các bị cáo khác, tuy nhiên khi phạm tội C chưa đủ 18 tuổi, nên cấp sơ thẩm xét xử bị cáo C thấp hơn là đã có xem xét cho tất cả các bị cáo. Tuy nhiên, trong giai đoạn chờ xét xử phúc thẩm, bị cáo A, B có nộp khắc phục hậu quả một phần, đây là tình tiết mới thể hiện sự ăn năn hối cải của các bị cáo, đối với

bị cáo C, mẹ bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả thay cho bị cáo vì bị cáo chưa đủ 18 tuổi, lẽ ra phải áp dụng tình tiết giảm nhẹ b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, nhưng cấp sơ thẩm lại áp dụng khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự là chưa chính xác, nên chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giảm một phần hình phạt cho các bị cáo. Do đó, cần chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm ông L có đơn yêu cầu xử lý, yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo và yêu cầu xử lý hình sự đối với D, E. Tuy nhiên, đây không phải là đơn kháng cáo nên Tòa cấp phúc thẩm không thể xem xét theo thủ tục kháng cáo.

Đối với E sau khi đánh nhau với ông L xong thì mục đích điện thoại cho D để D biết sự việc và khi D, A, C và B đến nơi thì có nói lại sự việc vừa đánh nhau với ông L nhằm mục đích khiêu khích xúi giục D, A, C và B đánh ông L nhưng D, A, C và B không đồng ý nên ý định của E đã kết thúc. Trong lúc ông L bị đánh thì E được cha ruột tên F kéo vào nhà số 216, ấp Tân Thuận, xã TH, thành phố y gần đó để tránh mặt ông L, do đó hành vi của E không đủ yếu tố cấu thành tội phạm với vai trò là đồng phạm.

Đối với D, khi được E cho biết sự việc đánh nhau và khi ông L đi đến trước cổng nhà E nói lời khiêu khích thì D không đồng ý đánh nhau; D sợ bị ông L đánh nên đã bỏ chạy, trong lúc này D bị trượt té nên khi ông L đi đến D sợ bị ông L đánh nên chủ động ôm ông L thì cả hai bị té xuống đường đal. Thời điểm này, D không biết việc các bị cáo A, C, B đánh ông L nên hành vi của D không cấu thành tội phạm với vai trò là đồng phạm.

Do đó hành vi của E, D không đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” với vai trò đồng phạm.

[4] Về án phí: Các bị cáo A, B, C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo A, B, C.

Sửa bản án sơ thẩm số: 57/2017/HS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố y về phần quyết định hình phạt đối với các bị cáo A, B, C.

Áp dụng khoản 1 Điều 104; điểm h, p, b khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo A 05 (năm) tháng tù, về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo B 05 (năm) tháng tù, về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Áp khoản 1 Điều 104, điểm h, p, b khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33; Điều 20; Điều 53; Điều 69 và Điều 74 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo C 03 (ba) tháng tù, về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo A, B, C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 3.000.000 đồng theo biên lai thu số 001630 ngày 14/11/2017 và biên lai thu số 001632 ngày 20/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố y, tỉnh Vĩnh Long để đảm bảo thi hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01;
- VKSND TVL: 02;
- TAND TPVL: 01;
- VKSND + CA TPVL: 02;
- CC THADS TPVL: 02;
- TG + BC: 04;
- PHSCAVL: 01
- STP: 01;
- BỊ HẠI: 01;
- NLQ: 05;
- Lưu VP: 01;
- Lưu HS: 02.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Kiều Duyên

